

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20 – 11 – 2019

Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Thi Văn Trí.

+ Ông Phạm Văn Mười.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 809/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 843/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thanh D, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Đường T, khóm N, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Minh N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 16/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thanh D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Minh N chung sống vợ chồng vào năm 2014, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục ở địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sống không hòa hợp, anh N hay ăn chơi, thường xuyên bỏ nhà đi, không lo gia đình, để mặc vợ con, đến năm 2018 chị và anh N không còn chung sống với nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung tên Phạm Phú C, sinh ngày 21/12/2014; Phạm Tuệ A, sinh ngày 02/12/2016, hiện 02 cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Đối với anh Lê Minh N, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh N vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử theo quy định vào các ngày 07/10/2019, ngày 24/10/2019, ngày 01/11/2019, ngày 20/11/2019 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thanh D, anh Lê Minh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D, anh N có 02 con chung tên Phạm Phú C, sinh ngày 21/12/2014; Phạm Tuệ A, sinh ngày 02/12/2016, hiện 02 cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con. Xét thấy, 02 cháu C, Tuệ A hiện do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh N không nêu ý kiến về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao 02 cháu C, Tuệ A cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D khai không nợ ai và không ai nợ lại nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thanh D và anh Lê Minh N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao 02 cháu Phạm Phú C, sinh ngày 21/12/2014; Phạm Tuệ A, sinh ngày 02/12/2016 cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị D xác định không có.

- Về nợ chung: Chị D khai không có.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình, chị D phải chịu 300.000đ. Ngày 20 tháng 9 năm 2019, chị D đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0000799 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đổi trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thanh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Minh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**